SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT BẮC NINH
CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BVTV

Số: 27 /BC7N-BVTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
Tình hình sinh vật gây hại cây trồng
(Từ ngày 01 tháng 07 đến ngày 07 tháng 07 năm 2020)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG
1. Thời tiết
Nhiệt độ trung bình: 31,2^{0}C Cao nhất: 36^{0}C Thấp nhất:27^{0}C
Độ ẩm trung bình: 72% Cao nhất: 85% Thấp nhất: 60%
Nhận xét: Thời tiết phổ biến nắng nóng, có lúc có mưa rào rải rác.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng
2.1. Lúa mùa:
- Kế hoạch sản xuất lúa mùa: 32.000ha.
- Diện tích mạ mùa đã gieo: 2.503,4ha; Giai đoạn sinh trưởng: 1,5 lá đến nhổ cấy.
- Diện tích lúa gieo thẳng: 6.275,5 ha; diện tích lúa cấy: 3.740 ha; Giai đoạn sinh trưởng: từ cấy đến hồi xanh.

2.2. Cây rau màu vụ hè: Diện tích: 635ha. Trong đó:

+ Ngô	Diện tích: 17ha	- GĐST: 3-7 lá
+ Đậu tương:	Diện tích: 80ha	- GĐST: Phân cành-quả non
+ Rau các loại	Diện tích: 538ha	- GĐST: Trồng-PT thân lá

II. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU
1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật hại (SVGH) chủ yếu

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m^2), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
I.	**Mạ mùa** – giai đoạn từ 1,5 lá đến nhổ cấy					
1	Ốc bươu vàng	0,3-0,5	1-2	5	ốc nhỏ	
2	Chuột	0,1-0,3	1-2	3-4		
3	SĐT 2 chấm	Thấp	<0,1	0,3	ổ trứng	TS
	SĐT 2 chấm			1-3%	dảnh héo	
4	Sâu cuốn lá nhỏ	0,1-0,2	0,5-1		T1,2	
5	Rầy lưng trắng	3-5	7-10		T1,2,3	TS
II	**Trên Lúa** – Giai đoạn gieo, cấy đến hồi xanh					

1	Ốc bươu vàng	0,5-1	3-5	7-10	ốc nhỏ	QV,GB, LT
2	Chuột	0,3-0,5	2-3			QV,GB, LT
3	SĐT 2 chấm			0.1	ổ trứng	QV
4	Sâu cuốn lá nhỏ	Thấp	0,5-1		T1,2	LT,QV
5	Rầy LT	3-4	9-10			QV,GB
6	Bọ trĩ	10-15	60-70		N-TT	QV
7	Bọ xít đen	0,1-0,2	0,5-1			QV
8	Ruồi đục nõn	0,3-0,5	1-3			QV
9	Tuyến trùng rễ	0,1-0,2	0,5-1			QV
10	Thối thân	0,1-0,2	0,3-0,5			QV
II	**Đậu tương hè** – giai đoạn phân cành đến quả non					
1	Rầy xanh	15-20	25-30	30-35	non	TT
2	Sâu khoang	0,2-0,3	0,5-1	2-3	Tuổi 2-3	TT
3	Sâu cuốn lá	3-5	7-8	10-12	Tuổi 3	TT
4	Sâu đục quả	0,3-0,5	1-2	3		TT
III	**Cây ngô** –giai đoạn từ 3 đến 7 lá					
1	Sâu keo mùa thu	1-2	3-4	6-8		LT
IV	**Cây lạc, đỗ-** giai đoạn 3 đến 4 lá					
1	Sâu cuốn lá	0,5-1	2-3			LT
2	Bệnh đốm lá	0,3-0,5	2-3			LT
V	**Rau các loại-** (Trồng-PT thân lá-Thu hoạch)					
1	Sâu xanh	1-2	3-5	7-10	T1,2,3	TPBN,QV
2	Sâu khoang	1-1,5	3-4		T1,2,3	TPBN,QV
3	Bọ nhảy	4-5	15-20	>50	TT	TPBN,QV
4	Rệp	1-2	4-5	7-10	C1	TPBN,QV
5	Bệnh đốm lá	1-2	4-5	>7	C1,3	TPBN,QV
6	Chuột	0,5-1	2-3	4-5		TPBN,QV

2. Diện tích nhiễm sinh vật gây hại chủ yếu

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN	DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT			

						(ha)		
I	**Trên mạ**							
1	Sâu đục thân	0					370	phun phòng trừ cho mạ trước khi nhổ cấy
2	Rầy lưng trắng	0					1.619	phun RLT cho mạ trước nhổ cấy để phòng chống bệnh lùn sọc đen
II	**Trên Lúa-** (Giai đoạn gieo, cấy)							
1	OBV	1.315	361	156		1.832	1.650	GB,LT, QV
III	**Rau các loại-** (Trồng-PT thân lá-Thu hoạch)							
1	Sâu xanh	2				2	2	
2	Sâu khoang	2.2	0,3			2,5	2,5	
3	Bọ nhảy	2	0,8	0,2		3	3	
4	Bệnh đốm lá	1,5				1,5	1,5	
5	Chuột	2,5	0,5			3		
IV	**Trên cây Ngô**							
1	Sâu keo mùa thu	15	5			20	20	

2. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

* Trên Mạ: các đối tượng sinh vật gây hại như ốc bươu vàng (OBV) gây hại nhẹ, chuột, tuyến trùng rễ, bệnh thối thân tiếp tục gây hại cục bộ.

* Trên lúa: OBV hại diện rộng cục bộ hại nặng những chân ruộng trũng. Các đối tượng chuột, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân, rầy, bọ trĩ, tuyến trùng, bọ xít đen, ròi đục nõn gây hại nhẹ.

* Trên đậu tương hè (phân cành-quả non): các đối tượng sinh vật gây hại nhẹ.

* Trên ngô: Sâu keo mùa thu gây hại mức độ nhẹ đến trung bình.

* Trên lạc, đỗ (giai đoạn 3-4 lá); bệnh đốm lá, sâu cuốn lá gây hại nhẹ

* Trên rau các loại: Các đối tượng sinh vât gây hại mức độ nhẹ.

III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới:

- Trên mạ mùa: Chuột, OBV, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân 2 chấm, rầy lưng trắng tiếp tục gây hại, mức độ hại nhẹ đến trung bình.

- Trên lúa mùa: OBV tiếp tục gây hại đặc biệt hại nặng trên những chân ruộng trũng; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy, bọ trĩ, bọ xít đen, ròi đục nõn, bệnh thối thân tiếp tục gây hại nhẹ.

- Trên cây đậu tương hè: Rầy xanh, sâu khoang, sâu cuốn lá, sâu đục quả tiếp tục hại, mức độ hại tăng.

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu hại tăng; sâu cắn lá phát sinh gây hại.

- Trên cây lạc, đậu đỗ: Sâu cuốn lá, ròi đục thân lá,đốm lá phát sinh gây hại.

- Trên rau các loại: các đối tượng SVGH sâu xanh, sâu khoang, bọ nhảy, bệnh đốm lá, chuột tiếp tục gia tăng mật độ và tỷ lệ.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

2.1. Duy trì công tác điều tra phát hiện, dự tính, dự báo tình hình sinh vật gây hại trên mạ mùa, lúa mùa và cây rau màu vụ hè và chỉ đạo phòng trừ kịp thời khi sinh vật gây hại phát sinh đến ngưỡng.

2.2. Đẩy nhanh tiến độ làm đất, cày lật gốc rạ và sử dụng các chế phẩm sinh học phân hủy xác hữu cơ để tránh ngộ độc hữu cơ cho lúa sau cấy; chăm sóc tốt diện tích mạ đã gieo đảm bảo mạ đủ tiêu chuẩn, cấy kịp thời vụ. Bố trí diện tích lúa gieo thẳng phù hợp, chỉ gieo thẳng ở những chân đất vàn, vàn cao chủ động tưới tiêu. Phấn đấu toàn tỉnh cơ bản gieo cấy xong trước 20/7.

2.3. Tiếp tục hướng dẫn nông dân phòng trừ cỏ dại, chuột, ốc bươu vàng bằng các biện pháp.

2.4. Hướng dẫn nông dân phòng trừ sinh vật gây hại mạ và lúa gieo thẳng vụ mùa 2020 theo công văn số 140/CCTTBVTV-BVTV ngày 26/6/2020 của Chi cục.

2.5. Tiếp tục trồng mới và chăm sóc cây rau màu, cây công nghiệp vụ hè, cung cấp nước đầy đủ khi thời tiết khô hạn.

2.6. Tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn chủ trương, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, kỹ thuật chăm sóc và phòng trừ sinh vật hại trên lúa và rau màu vụ mùa.

Nơi nhận:
- Cục Bảo vệ thực vật (b/c);
- TTBVTV Phía Bắc (b/c);
- Sở NN-PTNT:
+ Ông Đặng Trần Trung- GĐ Sở (b/c);
+ Ông Nguyễn Công Trình-PGĐ Sở (b/c);
+ Phòng KH-KT; Cổng thông tin điện tử Sở;
- Phòng NN& PTNT (KT) các huyện, TX, TP;
- Trung tâm DVNN các huyện, TP, TX;
- Chi cục TT và BVTV:
+ Lãnh đạo Chi cục;
+ Phòng trồng trọt;
- Lưu: BVTV.

KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT T. BẮC NINH

Nguyễn Hiển Sơn

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
I	**Trên mạ**									
1	Sâu đục thân								370	TD
2	Rầy lưng trắng môi giới truyền bệnh lùn sọc đen								1.619	GB,LT,QV,TD,TT
II	**Trên Lúa**									
1	OBV	1.290	340	152		1.782	+1.432	+462	1.630	LT,QV,GB
III	**Trên ngô**									
1	Sâu keo mùa thu	15	5			20	+20	+20	20	LT
IV	**Trên Rau các loại**									
1	Sâu xanh	2				2		-5	2	
2	Sâu khoang	2,5	0,3			2,5	+0,5	-0,5	2,5	
3	Bọ nhảy	2	0,8	0,2		3		-7	3	
4	Bệnh đốm lá	1,5				1,5			1,5	
5	Chuột	2,5	0,5			3			3	

Tổng cộng	**1.315,5**	**346,6**	**152,2**		**1.814,3**			**3.651**	

Ghi chú: TB: Trung bình; MT: Mất trắng (giảm >70% năng suất); DTN (+/-): Diện tích nhiễm tăng/giảm so kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước (CKNT).